

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **35** /2024/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **27** tháng **12** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Cấp dự báo cháy rừng và các Bảng tra
cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng
11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 năm 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật
Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-
CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/ NĐ-
CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu
hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy
và chữa cháy rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định Cấp dự báo cháy rừng và
các Bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Cấp dự báo cháy rừng

Cấp dự báo cháy rừng tỉnh Quảng Trị gồm 05 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo cấp cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; chi tiết quy định về cấp dự báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Các bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng được tính cho 2 tiểu vùng khí hậu:

a) Tiểu vùng 1 là Tiểu vùng đồng bằng ven biển, đồi, trung du và vùng núi tiếp giáp với vùng núi phía Tây, bao gồm các huyện: Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ.

b) Tiểu vùng 2 là Tiểu vùng núi phía Tây: Huyện Hướng Hóa

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

a) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số H được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh; quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

b) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tỉnh: thực hiện dự báo nguy cơ cháy rừng và thông tin cấp dự báo cháy rừng rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo Hạt Kiểm lâm thông tin cấp dự báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ rừng, các hộ dân sống trong rừng, gần rừng; triển khai các biện pháp phòng cháy rừng ở từng cấp dự báo, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 201/QĐ-UB ngày 13 tháng 3 năm 1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bản quy định cấp dự báo cháy rừng và tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như khoản 3, Điều 4;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT_{TTA}. ✕

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục I
BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TỈNH QUẢNG TRỊ (CHỈ SỐ P)
(Kèm theo Quyết định số: **35** /2024/QĐ-UBND ngày **27** tháng **12** năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. Giải thích từ ngữ

1. Chỉ số P của Nesterop

$$P_i = K \sum_{i=1}^n Tk_{i13} \times D_{i13}$$

Trong đó:

- P_i : Là chỉ tiêu khí tượng tổng hợp đánh giá mức nguy hiểm cháy rừng ngày thứ i

- K là hệ số điều chỉnh lượng mưa, trong đó:

+ $K = 1$, khi lượng mưa ngày (R_i) = 0 mm;

+ $K = 0$, khi lượng mưa ngày (R_i) ≥ 7 mm;

+ $K = (R_0 - R_i)/R_0$, khi lượng mưa ngày nằm trong khoảng: $0 < (R_i) < 7$ mm.

+ R_0 : Ngưỡng lượng mưa điều chỉnh, $R_0 = 7$ mm

- Tk_{i13} : Nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ ngày thứ i ;

- D_{i13} : Độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí tại thời điểm 13 giờ.

2. Chu kỳ dự báo cấp cháy rừng

Chu kỳ dự báo cấp cháy rừng là khoảng thời gian được tính ngay sau ngày có mưa ≥ 7 mm đến ngày có lượng mưa ≥ 7 mm tiếp theo. Khi lượng mưa ngày ≥ 7 mm thì $K=0$, trong trường hợp này các chỉ số P và H đều bằng 0 (không), lúc đó chỉ số P , H được tính lại từ đầu.

Ví dụ: Ngày 1 tháng 1 có mưa 10 mm, đến ngày 10 tháng 1 lại có mưa 8 mm, thì chu kỳ dự báo cấp cháy rừng ở đây là 9 ngày, như vậy chỉ số P và H ngày 10 tháng 1 đều bằng 0 và P và H sẽ tính lại từ ngày 11 tháng 1.

3. Thời gian dự báo

- Dự báo theo ngày: Để xác định cấp dự báo cháy rừng theo ngày, cần thu thập và nhập số liệu dự báo nhiệt độ lúc 13 giờ, lượng mưa ngày, tính chỉ số P , so sánh với bảng tra, xác định cấp cháy rừng.

- Dự báo hàng tuần: Để xác định cấp dự báo cháy rừng theo tuần, cần thu thập và nhập số liệu dự báo nhiệt độ lúc 13 giờ, lượng mưa các ngày trong tuần từ cơ quan khí tượng thủy văn, tính chỉ số P , đối chiếu với bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P (bảng 1, 2), từ đó xác định cấp dự báo cháy rừng của từng ngày trong tuần.

II. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P

2.1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng được tính cho 2 tiểu vùng sinh thái:

- Tiểu vùng 1 là Tiểu vùng đồng bằng ven biển, đồi, trung du và vùng núi tiếp giáp với vùng núi phía Tây, bao gồm các huyện: Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ.
- Tiểu vùng 2 là Tiểu vùng núi phía Tây: Huyện Hướng Hóa.

Trên cơ sở xác định lượng mưa hữu hiệu, công thức dự báo cấp cháy rừng, thiết lập bảng tra cấp dự báo cháy rừng tỉnh Quảng Trị được xác lập như sau:

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P

Tiểu vùng	Chỉ số P				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
1	0-4.000	4.001-9.000	9.001-14.000	14.001-19.000	>19.000
2	0-5.000	5.001-10.000	10.001-15.000	15.001-20.000	>20.000

2.2. Nguồn số liệu đầu vào

Số liệu đầu vào để tính chỉ số P bao gồm:

- Số liệu dự báo nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ hàng ngày, lượng mưa ngày. Trong trường hợp số liệu dự báo chỉ có nhiệt độ thấp nhất, cao nhất, độ ẩm không khí, lượng mưa:

+ Nhiệt độ cao nhất tức là nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ;

+ Độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí tại thời điểm 13 giờ (D_{i13}) sẽ tra từ bảng tra độ ẩm do ngành khí tượng thủy văn xây dựng.

- Số liệu quan trắc nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ hàng ngày, lượng mưa ngày sẽ do cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp.

Số liệu đầu vào để tính chỉ số P bao gồm bộ số liệu đại diện cho hai tiểu vùng khí hậu của tỉnh Quảng Trị.

III. Hướng dẫn sử dụng

3.1. Hướng dẫn sử dụng Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P trên phần mềm Excel

Bảng tính chỉ số khí tượng tổng hợp (P_i) gồm các trường:

- Trường tiểu vùng khí hậu (cột A);
- Trường năm, tháng, ngày (cột B, C, D);
- Trường nhiệt độ không khí khô lúc 13 giờ hàng ngày (T_k) (cột E)

- Trường lượng mưa ngày (Lượng mưa) (cột F);
- Trường Độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí tại thời điểm 13 giờ: D_{i13} (cột G);
- Trường hệ số K (K (7) – cột H). Trường này nhập công thức như sau:

$$=IF(Fi=0;1;Fi>=7;0;(7-Fi)/7))$$

- Trường tính chỉ số khí tượng tổng hợp (P7 – cột I). Trường này nhập công thức như sau:

$$=IF(H3=0; E3*H3*G3; E3*H3*G3+I2)$$

- Trường Cấp DBCR, đối với tiểu vùng khí hậu 1 (Trạm Đông Hà) nhập công thức:

$$=IF(Ii<4.000;1; IF(Ii<9.000;2;IF(Ii<14.000;3;IF(Ii<19.000;4;5))))$$

- Trường Cấp DBCR, đối với tiểu vùng khí hậu 2 (Trạm Khe Sanh) nhập công thức:

$$=IF(Ii<5.000;1; IF(Ii<10.000;2;IF(Ii<15.000;3;IF(Ii<20.000;4;5))))$$

3.2. Hướng dẫn sử dụng Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P trên hệ thống bảng tra trực tiếp

Bảng tra được thiết lập tính toán tích số $Tk_{i13} \times D_{i13}$ của một ngày bất kỳ trên cơ sở dữ liệu đã có hoặc dữ liệu dự báo về Tk_{i13} . Tổng các tích số $Tk_{i13} \times D_{i13}$ của các ngày liên tục không mưa hoặc có mưa nhưng nhỏ hơn 7 mm sẽ là chỉ số P làm cơ sở để xác định cấp dự báo cháy rừng.

Ví dụ:

Trên cơ sở số liệu quan trắc về thời tiết từ ngày 10/5/2024 đến ngày 20/5/2024 ở khu vực Đông Hà có bảng dữ liệu như sau:

Năm	Tháng	Ngày	Nhiệt độ trung bình	Nhiệt độ khô 13h tk (0C)	Lượng mưa (mm)	D_{i13}
2024	5	10	28,7	32,1	0	22
2024	5	11	29,5	33	26,1	22,1
2024	5	12	28,5	33	0	20,2
2024	5	13	28,1	29,2	0	10,1
2024	5	14	27,4	29,2	0,1	13,1
2024	5	15	28	31,9	0	19,6
2024	5	16	29	32,4	0,6	20
2024	5	17	27,5	28,5	5,6	6,5
2024	5	18	28,8	33,3	9,4	19,5
2024	5	19	30,9	36,3	0	31,8
2024	5	20	27,3	27,6	31	9

Với kết quả xác định lượng mưa ta có chu kỳ xác định cấp dự báo cháy rừng bắt đầu từ ngày 11/5/2024 đến ngày 18/5/2024 (do các ngày 11/5/2024 và 18/5/2024 là các ngày có lượng mưa ≥ 7 mm).

Từ bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P, lựa chọn Bảng tra tiêu vùng 1, với chỉ số $Tk(^{\circ}C)$ đã xác định tra được tích số $Tk_{i13} \times D_{i13}$ tại Bảng tra cho các ngày trong chu kỳ báo cáo.

Bảng tra cho các ngày trong chu kỳ báo cáo.

Tháng	Ngày	Tk_{i13} ($^{\circ}C$)	Lượng mưa (mm)	D_{i13}	K	P	Cấp DBCR
5	10	32,1	0	22	1,00	3.364,59	1
5	11	33	26,1	22,1	-	-	1
5	12	33	0	20,2	1,00	666,60	1
5	13	29,2	0	10,1	1,00	961,52	1
5	14	29,2	0,1	13,1	0,99	1.338,58	1
5	15	31,9	0	19,6	1,00	1.963,82	1
5	16	32,4	0,6	20	0,91	2.556,27	1
5	17	28,5	5,6	6,5	0,20	2.593,32	1
5	18	33,3	9,4	19,5	-	-	1
5	19	36,3	0	31,8	1,00	1.154,34	1
5	20	27,6	31	9	-	-	1
5	21	30,9	0,3	15,1	0,96	446,59	1
5	22	30,4	64,5	17,2	-	-	1
5	23	29,8	4,8	11,4	0,31	106,77	1

Chỉ số P của ngày 11/5/2024 = 0 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 12/5/2024 = 666,60 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 13/5/2024 = 666,60 + 294,92 = 961,52 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 14/5/2024 = 961,52 + 377,06 = 1.338,58 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 15/5/2024 = 1.338,58 + 625,24 = 1.963,82 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 16/5/2024 = 1.963,82 + 592,46 = 2.556,27 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 17/5/2024 = 2.556,27 + 37,05 = 2.593,32 (Cấp I)

Chỉ số P của ngày 18/5/2024 = 0 (Cấp I)

**Bảng 1. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ P
TIÊU VÙNG 1**

(Bao gồm các huyện: Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Côn Cỏ. Số liệu sử dụng là trạm Khí tượng Đông Hà. Ngoài ra có thể sử dụng số liệu đo đếm khí tượng tại các trạm khác theo nguyên tắc Trạm có điều kiện khí hậu tương đồng nhất)

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
1	10	11,3	17,2	194,0
2	10,1	11,5	17,0	195,1
3	10,2	11,6	16,8	194,5
4	10,3	11,7	16,6	193,8
5	10,4	11,8	16,4	193,1
6	10,5	11,9	16,2	192,4
7	10,6	12	16,0	191,6
8	10,7	12,1	15,8	190,8
9	10,8	12,3	15,6	191,5
10	10,9	12,4	15,4	190,6
11	11	12,5	15,2	189,6
12	11,1	12,6	15,0	188,6
13	11,2	12,7	14,8	187,6
14	11,3	12,8	14,6	186,5
15	11,4	12,9	14,4	185,4
16	11,5	13,1	14,2	185,6
17	11,6	13,2	14,0	184,4
18	11,7	13,3	13,8	183,1
19	11,8	13,4	13,6	181,8
20	11,9	13,5	13,4	180,5
21	12	13,6	13,2	179,1
22	12,1	13,7	13,0	177,7
23	12,2	13,9	12,8	177,5
24	12,3	14	12,6	176,0
25	12,4	14,1	12,4	174,4
26	12,5	14,2	12,2	172,8
27	12,6	14,3	12,0	171,2
28	12,7	14,4	11,8	169,5
29	12,8	14,5	11,6	167,8
30	12,9	14,7	11,4	167,2
31	13	14,8	11,2	165,4
32	13,1	14,9	11,0	163,5
33	13,2	15	10,8	161,6
34	13,3	15,1	10,6	159,7
35	13,4	15,2	10,4	157,7
36	13,5	15,4	10,2	156,7
37	13,6	15,5	10,0	154,6

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
38	13,7	15,6	9,8	152,5
39	13,8	15,7	9,6	150,3
40	13,9	15,8	9,4	148,1
41	14	15,9	9,2	145,9
42	14,1	16	9,0	143,6
43	14,2	16,2	8,8	142,2
44	14,3	16,3	8,6	139,8
45	14,4	16,4	8,4	137,4
46	14,5	16,5	8,2	134,9
47	14,6	16,6	8,0	132,4
48	14,7	16,7	7,8	129,9
49	14,8	16,8	7,6	127,3
50	14,9	17	7,4	125,4
51	15	17,1	7,2	122,7
52	15,1	17,2	7,0	120,0
53	15,2	17,3	6,8	117,2
54	15,3	17,4	6,6	114,5
55	15,4	17,5	6,4	111,6
56	15,5	17,6	6,2	108,7
57	15,6	17,8	6,0	106,4
58	15,7	17,9	5,8	103,4
59	15,8	18	5,6	100,4
60	15,9	18,1	5,4	97,4
61	16	18,2	5,2	94,3
62	16,1	18,3	5,0	91,1
63	16,2	18,4	4,8	87,9
64	16,3	18,6	4,6	85,2
65	16,4	18,7	4,4	81,9
66	16,5	18,8	4,2	78,6
67	16,6	18,9	4,0	75,2
68	16,7	19	3,8	71,8
69	16,8	19,1	3,6	68,4
70	16,9	19,3	3,4	65,2
71	17	19,4	3,2	61,7
72	17,1	19,5	3,0	58,1
73	17,2	19,6	2,8	54,5
74	17,3	19,7	2,6	50,9
75	17,4	19,8	2,4	47,2
76	17,5	19,9	2,2	43,4
77	17,6	20,1	2,0	39,8
78	17,7	20,2	1,8	36,0
79	17,8	20,3	1,6	32,1
80	17,9	20,4	1,4	28,2
81	18	20,5	1,2	24,3
82	18,1	20,6	1,0	20,3

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
83	18,2	20,7	0,8	16,2
84	18,3	20,9	0,6	12,2
85	18,4	21	0,4	8,1
86	18,5	21,1	0,2	3,9
87	18,6	21,2	0,0	0,3
88	18,7	21,3	0,2	4,6
89	18,8	21,4	0,4	8,9
90	18,9	21,5	0,6	13,2
91	19	21,7	0,8	17,7
92	19,1	21,8	1,0	22,1
93	19,2	21,9	1,2	26,6
94	19,3	22	1,4	31,1
95	19,4	22,1	1,6	35,7
96	19,5	22,2	1,8	40,3
97	19,6	22,3	2,0	44,9
98	19,7	22,5	2,2	49,8
99	19,8	22,6	2,4	54,5
100	19,9	22,7	2,6	59,3
101	20	22,8	2,8	64,1
102	20,1	22,9	3,0	69,0
103	20,2	23	3,2	73,9
104	20,3	23,2	3,4	79,2
105	20,4	23,3	3,6	84,2
106	20,5	23,4	3,8	89,2
107	20,6	23,5	4,0	94,3
108	20,7	23,6	4,2	99,4
109	20,8	23,7	4,4	104,6
110	20,9	23,8	4,6	109,7
111	21	24	4,8	115,5
112	21,1	24,1	5,0	120,8
113	21,2	24,2	5,2	126,1
114	21,3	24,3	5,4	131,5
115	21,4	24,4	5,6	136,9
116	21,5	24,5	5,8	142,3
117	21,6	24,6	6,0	147,8
118	21,7	24,8	6,2	154,0
119	21,8	24,9	6,4	159,6
120	21,9	25	6,6	165,2
121	22	25,1	6,8	170,9
122	22,1	25,2	7,0	176,6
123	22,2	25,3	7,2	182,4
124	22,3	25,4	7,4	188,2
125	22,4	25,6	7,6	194,8
126	22,5	25,7	7,8	200,7
127	22,6	25,8	8,0	206,6

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
128	22,7	25,9	8,2	212,6
129	22,8	26	8,4	218,6
130	22,9	26,1	8,6	224,6
131	23	26,2	8,8	230,7
132	23,1	26,4	9,0	237,8
133	23,2	26,5	9,2	244,0
134	23,3	26,6	9,4	250,2
135	23,4	26,7	9,6	256,5
136	23,5	26,8	9,8	262,8
137	23,6	26,9	10,0	269,2
138	23,7	27,1	10,2	276,6
139	23,8	27,2	10,4	283,0
140	23,9	27,3	10,6	289,5
141	24	27,4	10,8	296,1
142	24,1	27,5	11,0	302,6
143	24,2	27,6	11,2	309,2
144	24,3	27,7	11,4	315,9
145	24,4	27,9	11,6	323,8
146	24,5	28	11,8	330,5
147	24,6	28,1	12,0	337,3
148	24,7	28,2	12,2	344,1
149	24,8	28,3	12,4	351,0
150	24,9	28,4	12,6	357,9
151	25	28,5	12,8	364,9
152	25,1	28,7	13,0	373,2
153	25,2	28,8	13,2	380,2
154	25,3	28,9	13,4	387,3
155	25,4	29	13,6	394,5
156	25,5	29,1	13,8	401,6
157	25,6	29,2	14,0	408,9
158	25,7	29,3	14,2	416,1
159	25,8	29,5	14,4	424,8
160	25,9	29,6	14,6	432,2
161	26	29,7	14,8	439,6
162	26,1	29,8	15,0	447,0
163	26,2	29,9	15,2	454,5
164	26,3	30	15,4	462,0
165	26,4	30,1	15,6	469,6
166	26,5	30,3	15,8	478,7
167	26,6	30,4	16,0	486,4
168	26,7	30,5	16,2	494,1
169	26,8	30,6	16,4	501,8
170	26,9	30,7	16,6	509,6
171	27	30,8	16,8	517,4
172	27,1	31	17,0	527,0

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
173	27,2	31,1	17,2	534,9
174	27,3	31,2	17,4	542,8
175	27,4	31,3	17,6	550,8
176	27,5	31,4	17,8	558,9
177	27,6	31,5	18,0	566,9
178	27,7	31,6	18,2	575,0
179	27,8	31,8	18,4	585,0
180	27,9	31,9	18,6	593,3
181	28	32	18,8	601,5
182	28,1	32,1	19,0	609,8
183	28,2	32,2	19,2	618,1
184	28,3	32,3	19,4	626,5
185	28,4	32,4	19,6	634,9
186	28,5	32,6	19,8	645,3
187	28,6	32,7	20,0	653,9
188	28,7	32,8	20,2	662,4
189	28,8	32,9	20,4	671,0
190	28,9	33	20,6	679,6
191	29	33,1	20,8	688,3
192	29,1	33,2	21,0	697,0
193	29,2	33,4	21,2	707,9
194	29,3	33,5	21,4	716,7
195	29,4	33,6	21,6	725,6
196	29,5	33,7	21,8	734,5
197	29,6	33,8	22,0	743,4
198	29,7	33,9	22,2	752,4
199	29,8	34	22,4	761,4
200	29,9	34,2	22,6	772,7
201	30	34,3	22,8	781,8
202	30,1	34,4	23,0	791,0
203	30,2	34,5	23,2	800,1
204	30,3	34,6	23,4	809,4
205	30,4	34,7	23,6	818,6
206	30,5	34,9	23,8	830,3
207	30,6	35	24,0	839,7
208	30,7	35,1	24,2	849,1
209	30,8	35,2	24,4	858,6
210	30,9	35,3	24,6	868,1
211	31	35,4	24,8	877,6
212	31,1	35,5	25,0	887,2
213	31,2	35,7	25,2	899,3
214	31,3	35,8	25,4	909,0
215	31,4	35,9	25,6	918,7
216	31,5	36	25,8	928,4
217	31,6	36,1	26,0	938,2

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
218	31,7	36,2	26,2	948,1
219	31,8	36,3	26,4	957,9
220	31,9	36,5	26,6	970,5
221	32	36,6	26,8	980,5
222	32,1	36,7	27,0	990,5
223	32,2	36,8	27,2	1.000,5
224	32,3	36,9	27,4	1.010,6
225	32,4	37	27,6	1.020,8
226	32,5	37,1	27,8	1.030,9
227	32,6	37,3	28,0	1.043,9
228	32,7	37,4	28,2	1.054,2
229	32,8	37,5	28,4	1.064,5
230	32,9	37,6	28,6	1.074,9
231	33	37,7	28,8	1.085,3
232	33,1	37,8	29,0	1.095,7
233	33,2	37,9	29,2	1.106,2
234	33,3	38,1	29,4	1.119,6
235	33,4	38,2	29,6	1.130,2
236	33,5	38,3	29,8	1.140,8
237	33,6	38,4	30,0	1.151,5
238	33,7	38,5	30,2	1.162,1
239	33,8	38,6	30,4	1.172,9
240	33,9	38,8	30,6	1.186,7
241	34	38,9	30,8	1.197,5
242	34,1	39	31,0	1.208,4
243	34,2	39,1	31,2	1.219,3
244	34,3	39,2	31,4	1.230,3
245	34,4	39,3	31,6	1.241,3
246	34,5	39,4	31,8	1.252,3
247	34,6	39,6	32,0	1.266,6
248	34,7	39,7	32,2	1.277,7
249	34,8	39,8	32,4	1.288,9
250	34,9	39,9	32,6	1.300,1
251	35	40	32,8	1.311,3
252	35,1	40,1	33,0	1.322,6
253	35,2	40,2	33,2	1.333,9
254	35,3	40,4	33,4	1.348,6
255	35,4	40,5	33,6	1.360,1
256	35,5	40,6	33,8	1.371,5
257	35,6	40,7	34,0	1.383,1
258	35,7	40,8	34,2	1.394,6
259	35,8	40,9	34,4	1.406,2
260	35,9	41	34,6	1.417,8
261	36	41,2	34,8	1.433,0
262	36,1	41,3	35,0	1.444,7

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
263	36,2	41,4	35,2	1.456,5
264	36,3	41,5	35,4	1.468,3
265	36,4	41,6	35,6	1.480,1
266	36,5	41,7	35,8	1.492,0
267	36,6	41,8	36,0	1.504,0
268	36,7	42	36,2	1.519,5
269	36,8	42,1	36,4	1.531,6
270	36,9	42,2	36,6	1.543,6
271	37	42,3	36,8	1.555,8
272	37,1	42,4	37,0	1.567,9
273	37,2	42,5	37,2	1.580,1
274	37,3	42,7	37,4	1.596,1
275	37,4	42,8	37,6	1.608,3
276	37,5	42,9	37,8	1.620,7
277	37,6	43	38,0	1.633,0
278	37,7	43,1	38,2	1.645,5
279	37,8	43,2	38,4	1.657,9
280	37,9	43,3	38,6	1.670,4
281	38	43,5	38,8	1.686,8
282	38,1	43,6	39,0	1.699,4
283	38,2	43,7	39,2	1.712,0
284	38,3	43,8	39,4	1.724,7
285	38,4	43,9	39,6	1.737,4
286	38,5	44	39,8	1.750,1
287	38,6	44,1	40,0	1.762,9
288	38,7	44,3	40,2	1.779,8
289	38,8	44,4	40,4	1.792,7
290	38,9	44,5	40,6	1.805,6
291	39	44,6	40,8	1.818,6
292	39,1	44,7	41,0	1.831,6
293	39,2	44,8	41,2	1.844,6
294	39,3	44,9	41,4	1.857,7
295	39,4	45,1	41,6	1.875,0
296	39,5	45,2	41,8	1.888,2
297	39,6	45,3	42,0	1.901,4
298	39,7	45,4	42,2	1.914,7
299	39,8	45,5	42,4	1.928,0
300	39,9	45,6	42,6	1.941,3
301	40	45,7	42,8	1.954,7
302	40,1	45,9	43,0	1.972,5
303	40,2	46	43,2	1.985,9
304	40,3	46,1	43,4	1.999,5
305	40,4	46,2	43,6	2.013,0
306	40,5	46,3	43,8	2.026,6
307	40,6	46,4	44,0	2.040,3

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
308	40,7	46,6	44,2	2.058,4
309	40,8	46,7	44,4	2.072,1
310	40,9	46,8	44,6	2.085,9
311	41	46,9	44,8	2.099,8
312	41,1	47	45,0	2.113,6
313	41,2	47,1	45,2	2.127,5
314	41,3	47,2	45,4	2.141,5
315	41,4	47,4	45,6	2.160,0
316	41,5	47,5	45,8	2.174,1
317	41,6	47,6	46,0	2.188,2
318	41,7	47,7	46,2	2.202,3
319	41,8	47,8	46,4	2.216,5
320	41,9	47,9	46,6	2.230,7
321	42	48	46,8	2.244,9

**Bảng 2. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ P
TIÊU VÙNG 2**

(huyện Hương Hóa. Số liệu sử dụng là Trạm khí tượng Khe Sanh. Ngoài ra có thể sử dụng số liệu đo đếm khí tượng tại các trạm khác theo nguyên tắc Trạm có điều kiện khí hậu tương đồng)

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
1	10	10,3	8,4	87,0
2	10,1	10,5	8,3	87,1
3	10,2	10,6	8,2	86,4
4	10,3	10,7	8,0	85,7
5	10,4	10,8	7,9	84,9
6	10,5	10,9	7,7	84,1
7	10,6	11	7,6	83,3
8	10,7	11,2	7,4	83,2
9	10,8	11,3	7,3	82,3
10	10,9	11,4	7,1	81,4
11	11	11,5	7,0	80,5
12	11,1	11,6	6,9	79,5
13	11,2	11,7	6,7	78,5
14	11,3	11,8	6,6	77,4
15	11,4	12	6,4	77,0
16	11,5	12,1	6,3	75,9
17	11,6	12,2	6,1	74,8
18	11,7	12,3	6,0	73,6
19	11,8	12,4	5,8	72,4
20	11,9	12,5	5,7	71,2
21	12	12,7	5,6	70,5
22	12,1	12,8	5,4	69,2
23	12,2	12,9	5,3	67,9
24	12,3	13	5,1	66,5
25	12,4	13,1	5,0	65,2
26	12,5	13,3	4,8	64,2
27	12,6	13,4	4,7	62,8
28	12,7	13,5	4,5	61,3
29	12,8	13,6	4,4	59,8
30	12,9	13,7	4,3	58,2
31	13	13,8	4,1	56,7
32	13,1	14	4,0	55,5
33	13,2	14,1	3,8	53,8
34	13,3	14,2	3,7	52,2
35	13,4	14,3	3,5	50,5
36	13,5	14,4	3,4	48,7
37	13,6	14,6	3,2	47,3
38	13,7	14,7	3,1	45,5
39	13,8	14,8	3,0	43,7

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
40	13,9	14,9	2,8	41,8
41	14	15	2,7	39,9
42	14,1	15,1	2,5	38,0
43	14,2	15,3	2,4	36,3
44	14,3	15,4	2,2	34,3
45	14,4	15,5	2,1	32,3
46	14,5	15,6	1,9	30,3
47	14,6	15,7	1,8	28,2
48	14,7	15,9	1,7	26,2
49	14,8	16	1,5	24,1
50	14,9	16,1	1,4	21,9
51	15	16,2	1,2	19,7
52	15,1	16,3	1,1	17,5
53	15,2	16,5	0,9	15,3
54	15,3	16,6	0,8	13,0
55	15,4	16,7	0,6	10,7
56	15,5	16,8	0,5	8,3
57	15,6	16,9	0,3	5,9
58	15,7	17,1	0,2	3,5
59	15,8	17,2	0,1	1,0
60	15,9	17,3	0,1	1,4
61	16	17,4	0,2	4,0
62	16,1	17,5	0,4	6,5
63	16,2	17,7	0,5	9,2
64	16,3	17,8	0,7	11,8
65	16,4	17,9	0,8	14,4
66	16,5	18	1,0	17,1
67	16,6	18,2	1,1	19,9
68	16,7	18,3	1,2	22,7
69	16,8	18,4	1,4	25,5
70	16,9	18,5	1,5	28,3
71	17	18,6	1,7	31,1
72	17,1	18,8	1,8	34,2
73	17,2	18,9	2,0	37,1
74	17,3	19	2,1	40,0
75	17,4	19,1	2,3	43,0
76	17,5	19,2	2,4	46,0
77	17,6	19,4	2,5	49,3
78	17,7	19,5	2,7	52,3
79	17,8	19,6	2,8	55,4
80	17,9	19,7	3,0	58,6
81	18	19,9	3,1	62,0
82	18,1	20	3,3	65,3
83	18,2	20,1	3,4	68,5
84	18,3	20,2	3,6	71,7

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
85	18,4	20,3	3,7	75,0
86	18,5	20,5	3,8	78,7
87	18,6	20,6	4,0	82,1
88	18,7	20,7	4,1	85,5
89	18,8	20,8	4,3	88,9
90	18,9	21	4,4	92,8
91	19	21,1	4,6	96,3
92	19,1	21,2	4,7	99,8
93	19,2	21,3	4,9	103,3
94	19,3	21,5	5,0	107,4
95	19,4	21,6	5,1	111,0
96	19,5	21,7	5,3	114,7
97	19,6	21,8	5,4	118,4
98	19,7	21,9	5,6	122,1
99	19,8	22,1	5,7	126,4
100	19,9	22,2	5,9	130,2
101	20	22,3	6,0	134,0
102	20,1	22,4	6,2	137,8
103	20,2	22,6	6,3	142,3
104	20,3	22,7	6,4	146,2
105	20,4	22,8	6,6	150,2
106	20,5	22,9	6,7	154,1
107	20,6	23,1	6,9	158,8
108	20,7	23,2	7,0	162,9
109	20,8	23,3	7,2	166,9
110	20,9	23,4	7,3	171,0
111	21	23,6	7,5	175,9
112	21,1	23,7	7,6	180,1
113	21,2	23,8	7,7	184,3
114	21,3	23,9	7,9	188,5
115	21,4	24,1	8,0	193,5
116	21,5	24,2	8,2	197,8
117	21,6	24,3	8,3	202,2
118	21,7	24,4	8,5	206,5
119	21,8	24,6	8,6	211,8
120	21,9	24,7	8,8	216,2
121	22	24,8	8,9	220,7
122	22,1	24,9	9,0	225,2
123	22,2	25,1	9,2	230,6
124	22,3	25,2	9,3	235,2
125	22,4	25,3	9,5	239,7
126	22,5	25,4	9,6	244,4
127	22,6	25,6	9,8	250,0
128	22,7	25,7	9,9	254,7
129	22,8	25,8	10,1	259,4

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
130	22,9	25,9	10,2	264,1
131	23	26,1	10,3	270,0
132	23,1	26,2	10,5	274,8
133	23,2	26,3	10,6	279,6
134	23,3	26,4	10,8	284,5
135	23,4	26,6	10,9	290,5
136	23,5	26,7	11,1	295,4
137	23,6	26,8	11,2	300,4
138	23,7	26,9	11,4	305,4
139	23,8	27,1	11,5	311,6
140	23,9	27,2	11,6	316,7
141	24	27,3	11,8	321,8
142	24,1	27,4	11,9	327,0
143	24,2	27,6	12,1	333,3
144	24,3	27,7	12,2	338,5
145	24,4	27,8	12,4	343,8
146	24,5	27,9	12,5	349,0
147	24,6	28,1	12,7	355,6
148	24,7	28,2	12,8	360,9
149	24,8	28,3	12,9	366,3
150	24,9	28,5	13,1	373,0
151	25	28,6	13,2	378,5
152	25,1	28,7	13,4	383,9
153	25,2	28,8	13,5	389,4
154	25,3	29	13,7	396,3
155	25,4	29,1	13,8	401,9
156	25,5	29,2	14,0	407,5
157	25,6	29,3	14,1	413,1
158	25,7	29,5	14,2	420,2
159	25,8	29,6	14,4	425,9
160	25,9	29,7	14,5	431,6
161	26	29,9	14,7	438,9
162	26,1	30	14,8	444,7
163	26,2	30,1	15,0	450,5
164	26,3	30,2	15,1	456,4
165	26,4	30,4	15,3	463,8
166	26,5	30,5	15,4	469,7
167	26,6	30,6	15,5	475,7
168	26,7	30,7	15,7	481,7
169	26,8	30,9	15,8	489,3
170	26,9	31	16,0	495,3
171	27	31,1	16,1	501,4
172	27,1	31,3	16,3	509,2
173	27,2	31,4	16,4	515,3
174	27,3	31,5	16,6	521,5

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
175	27,4	31,6	16,7	527,8
176	27,5	31,8	16,8	535,7
177	27,6	31,9	17,0	542,0
178	27,7	32	17,1	548,3
179	27,8	32,2	17,3	556,4
180	27,9	32,3	17,4	562,8
181	28	32,4	17,6	569,2
182	28,1	32,5	17,7	575,7
183	28,2	32,7	17,9	583,9
184	28,3	32,8	18,0	590,4
185	28,4	32,9	18,1	597,0
186	28,5	33,1	18,3	605,4
187	28,6	33,2	18,4	612,0
188	28,7	33,3	18,6	618,7
189	28,8	33,4	18,7	625,4
190	28,9	33,6	18,9	634,0
191	29	33,7	19,0	640,7
192	29,1	33,8	19,2	647,5
193	29,2	34	19,3	656,3
194	29,3	34,1	19,4	663,1
195	29,4	34,2	19,6	670,0
196	29,5	34,3	19,7	676,9
197	29,6	34,5	19,9	685,9
198	29,7	34,6	20,0	692,8
199	29,8	34,7	20,2	699,9
200	29,9	34,9	20,3	708,9
201	30	35	20,5	716,0
202	30,1	35,1	20,6	723,1
203	30,2	35,2	20,7	730,3
204	30,3	35,4	20,9	739,6
205	30,4	35,5	21,0	746,8
206	30,5	35,6	21,2	754,0
207	30,6	35,8	21,3	763,4
208	30,7	35,9	21,5	770,8
209	30,8	36	21,6	778,1
210	30,9	36,2	21,8	787,7
211	31	36,3	21,9	795,1
212	31,1	36,4	22,0	802,5
213	31,2	36,5	22,2	810,0
214	31,3	36,7	22,3	819,7
215	31,4	36,8	22,5	827,3
216	31,5	36,9	22,6	834,9
217	31,6	37,1	22,8	844,8
218	31,7	37,2	22,9	852,4
219	31,8	37,3	23,1	860,1

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
220	31,9	37,5	23,2	870,1
221	32	37,6	23,3	877,9
222	32,1	37,7	23,5	885,7
223	32,2	37,8	23,6	893,5
224	32,3	38	23,8	903,7
225	32,4	38,1	23,9	911,6
226	32,5	38,2	24,1	919,5
227	32,6	38,4	24,2	929,9
228	32,7	38,5	24,4	937,8
229	32,8	38,6	24,5	945,9
230	32,9	38,8	24,6	956,4
231	33	38,9	24,8	964,4
232	33,1	39	24,9	972,6
233	33,2	39,2	25,1	983,2
234	33,3	39,3	25,2	991,4
235	33,4	39,4	25,4	999,6
236	33,5	39,5	25,5	1.007,9
237	33,6	39,7	25,7	1.018,7
238	33,7	39,8	25,8	1.027,0
239	33,8	39,9	25,9	1.035,4
240	33,9	40,1	26,1	1.046,3
241	34	40,2	26,2	1.054,8
242	34,1	40,3	26,4	1.063,2
243	34,2	40,5	26,5	1.074,3
244	34,3	40,6	26,7	1.082,9
245	34,4	40,7	26,8	1.091,4
246	34,5	40,9	27,0	1.102,7
247	34,6	41	27,1	1.111,3
248	34,7	41,1	27,2	1.120,0
249	34,8	41,2	27,4	1.128,6
250	34,9	41,4	27,5	1.140,1
251	35	41,5	27,7	1.148,8
252	35,1	41,6	27,8	1.157,6
253	35,2	41,8	28,0	1.169,2
254	35,3	41,9	28,1	1.178,1
255	35,4	42	28,3	1.187,0
256	35,5	42,2	28,4	1.198,7
257	35,6	42,3	28,5	1.207,7
258	35,7	42,4	28,7	1.216,6
259	35,8	42,6	28,8	1.228,5
260	35,9	42,7	29,0	1.237,6
261	36	42,8	29,1	1.246,7
262	36,1	43	29,3	1.258,7
263	36,2	43,1	29,4	1.267,9
264	36,3	43,2	29,6	1.277,1

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
265	36,4	43,4	29,7	1.289,2
266	36,5	43,5	29,9	1.298,5
267	36,6	43,6	30,0	1.307,8
268	36,7	43,8	30,1	1.320,1
269	36,8	43,9	30,3	1.329,5
270	36,9	44	30,4	1.338,9
271	37	44,2	30,6	1.351,3
272	37,1	44,3	30,7	1.360,8
273	37,2	44,4	30,9	1.370,3
274	37,3	44,5	31,0	1.379,8
275	37,4	44,7	31,2	1.392,4
276	37,5	44,8	31,3	1.402,0
277	37,6	44,9	31,4	1.411,7
278	37,7	45,1	31,6	1.424,5
279	37,8	45,2	31,7	1.434,2
280	37,9	45,3	31,9	1.443,9
281	38	45,5	32,0	1.456,8
282	38,1	45,6	32,2	1.466,6
283	38,2	45,7	32,3	1.476,4
284	38,3	45,9	32,5	1.489,5
285	38,4	46	32,6	1.499,4
286	38,5	46,1	32,7	1.509,3
287	38,6	46,3	32,9	1.522,6
288	38,7	46,4	33,0	1.532,6
289	38,8	46,5	33,2	1.542,6
290	38,9	46,7	33,3	1.556,0
291	39	46,8	33,5	1.566,1
292	39,1	46,9	33,6	1.576,2
293	39,2	47,1	33,8	1.589,7
294	39,3	47,2	33,9	1.599,9
295	39,4	47,3	34,0	1.610,1
296	39,5	47,5	34,2	1.623,8
297	39,6	47,6	34,3	1.634,1
298	39,7	47,7	34,5	1.644,4
299	39,8	47,9	34,6	1.658,3
300	39,9	48	34,8	1.668,6
301	40	48,1	34,9	1.679,1
302	40,1	48,3	35,1	1.693,0
303	40,2	48,4	35,2	1.703,5
304	40,3	48,5	35,3	1.714,1
305	40,4	48,7	35,5	1.728,2
306	40,5	48,8	35,6	1.738,8
307	40,6	48,9	35,8	1.749,4
308	40,7	49,1	35,9	1.763,6
309	40,8	49,2	36,1	1.774,3

TT	T (°C)	Tk ₁₃ (°C)	Di ₁₃	Tki ₁₃ xDi ₁₃
310	40,9	49,3	36,2	1.785,1
311	41	49,5	36,4	1.799,5
312	41,1	49,6	36,5	1.810,3
313	41,2	49,7	36,6	1.821,1
314	41,3	49,9	36,8	1.835,6
315	41,4	50	36,9	1.846,5
316	41,5	50,1	37,1	1.857,5
317	41,6	50,3	37,2	1.872,2
318	41,7	50,4	37,4	1.883,2
319	41,8	50,5	37,5	1.894,2
320	41,9	50,7	37,7	1.909,0
321	42	50,8	37,8	1.920,1

Phụ lục II
BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TỈNH QUẢNG TRỊ
(CHỈ SỐ H)

(Kèm theo Quyết định số: **35** / 2024/QĐ-UBND ngày **27** tháng **12** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. Giải thích từ ngữ

1. Chỉ số khô hạn Phạm Ngọc Hưng (H)

Chỉ số khô hạn Phạm Ngọc Hưng (H) được tính theo công thức:

$$H_i = K * (H_{i-1} + 1)$$

- H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục (số ngày không mưa hoặc có mưa với lượng mưa < 7 mm)
- H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến trước ngày dự báo;
- K là hệ số điều chỉnh lượng mưa ngày, nếu lượng mưa ≥ 7 mm thì $K = 0$, ngược lại $K = 1$;

2. Chu kỳ dự báo cấp cháy rừng

Chu kỳ dự báo cấp cháy rừng là khoảng thời gian được tính ngay sau ngày có mưa ≥ 7 mm đến ngày có lượng mưa ≥ 7 mm tiếp theo. Khi lượng mưa ngày ≥ 7 mm thì $K=0$, trong trường hợp này các chỉ số P và H đều bằng không, lúc đó chỉ số P , H được tính lại từ đầu.

Ví dụ: Ngày 1 tháng 1 có mưa 10 mm, đến ngày 10 tháng 1 lại có mưa 8 mm, thì chu kỳ dự báo cấp cháy rừng ở đây là 9 ngày, như vậy chỉ số P và H ngày 10 tháng 1 đều bằng không và P và H sẽ tính lại từ ngày 11 tháng 1.

3. Thời gian dự báo

- Dự báo trong ngày: Để xác định số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng cần thu thập và nhập số liệu dự báo nhiệt độ lúc 13 giờ, lượng mưa ngày, tính chỉ số H .

- Dự báo hàng tuần: Để xác định số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng theo tuần, cần thu thập và nhập số liệu dự báo nhiệt độ lúc 13 giờ, lượng mưa các ngày trong tuần, đối chiếu với bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số H , từ đó xác định số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng của từng ngày trong tuần.

II. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số H

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo H

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng được thiết lập cho hai tiểu vùng khí hậu của tỉnh Quảng Trị:

- Tiểu vùng 1 là Tiểu vùng đồng bằng ven biển, đồi, trung du và vùng núi tiếp giáp với vùng núi phía Tây, bao gồm các huyện: Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ.

- Tiểu vùng 2 là Tiểu vùng núi phía Tây: Huyện Hướng Hóa.

Cơ cấu Bảng tra cấp dự báo cháy rừng gồm:

- Thông tin về tiểu vùng khí hậu; Thông tin về thời gian (theo từng tháng);
- Nhiệt độ cao nhất trong ngày theo dự báo, được chia làm 3 cấp: $<25^{\circ}\text{C}$; $25-35^{\circ}\text{C}$ và lớn hơn 35°C ;

- Số ngày có mưa (N) với lượng mưa nhỏ hơn 7 mm, được chia làm 4 cấp:

+ $N=0$: không có ngày mưa < 7 mm;

+ $N=1$: có 1 ngày mưa < 7 mm;

+ $N=2$: có 2 ngày mưa < 7 mm;

+ $N>2$: có nhiều hơn 2 ngày mưa < 7 mm;

- Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng: Căn cứ vào cấp nhiệt độ, số ngày mưa và tiểu vùng khí hậu, xác định số ngày tối đa giữ cấp dự báo cháy rừng.

2. Nguồn số liệu đầu vào

Số liệu đầu vào để tra bảng cấp cháy rừng gồm:

- Tiểu vùng khí hậu và tháng dự báo;

- Lượng mưa theo ngày từ ngày gần nhất có lượng mưa ≥ 7 mm; xác định số ngày mưa < 7 mm đến thời gian dự báo;

- Nhiệt độ cao nhất trong ngày từ ngày gần nhất có lượng mưa ≥ 7 mm đến thời gian dự báo, xác định cấp nhiệt độ theo nguyên tắc số lớn.

Ví dụ: Từ ngày 1 đến ngày 10 có 4 ngày với nhiệt độ cao nhất $<25^{\circ}\text{C}$ và 6 ngày có nhiệt độ $20-30^{\circ}\text{C}$, thì cấp nhiệt độ được xác định $20-30^{\circ}\text{C}$.

Căn cứ vào tiểu vùng khí hậu - Tháng dự báo, số ngày có lượng mưa < 7 mm, Cấp nhiệt độ của thời gian dự báo, tra bảng cấp dự báo cháy rừng, xác định cấp dự báo cháy cho thời gian dự báo.

3. Hướng dẫn sử dụng

Ví dụ: Trên cơ sở số liệu quan trắc về thời tiết từ ngày 10/5/2024 đến ngày 20/5/2024 ở khu vực Đông Hà, có bảng dữ liệu như sau:

Năm	Tháng	Ngày	Nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ khô 13h ($^{\circ}\text{C}$)	Lượng mưa (mm)
2024	5	10	28,7	32,1	0
2024	5	11	29,5	33	26,1
2024	5	12	28,5	33	0
2024	5	13	28,1	29,2	0
2024	5	14	27,4	29,2	0,1
2024	5	15	28	31,9	0
2024	5	16	29	32,4	0,6
2024	5	17	27,5	28,5	5,6
2024	5	18	28,8	33,3	9,4
2024	5	19	30,9	36,3	0
2024	5	20	27,3	27,6	31

Với kết quả xác định lượng mưa, có chu kỳ xác định cấp dự báo cháy rừng bắt đầu từ ngày 11/5/2024 đến ngày 18/5/2024 (do các ngày 11/5/2024 và 18/5/2024 là các ngày có lượng mưa ≥ 7 mm).

Từ bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số H, lựa chọn Bảng tra Tiêu vùng khí hậu 1 - Tháng 5.

(1) Ở cột nhiệt độ trong bảng tra ta chọn cột “Nhiệt độ cao nhất ngày 26 - 35 $^{\circ}$ C” do trong chu kỳ xác định cấp dự báo cháy có 8/8 ngày nhiệt độ từ 26 - 35 $^{\circ}$ C.

(2) Ở cột nhiệt độ cao nhất ngày từ 26 - 35 $^{\circ}$ C thì thời gian tối đa giữ cấp dự báo cháy rừng cấp I là 9 ngày (do trong 8 ngày này có 6 ngày có mưa < 7 mm, là các ngày 12-17/5/2024).

(4) Bắt đầu từ ngày 18/5/2024 sẽ chuyển sang cấp dự báo cháy rừng là cấp I do tại ngày này có mưa với cường độ cao (9,4 mm). Như vậy, bắt đầu từ ngày này (18/5/2024) cấp dự báo cháy rừng sẽ chuyển sang một chu kỳ mới.

Bảng 1. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIÊU VÙNG 1 – Tháng 3

(Bao gồm các huyện: Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ. Số liệu sử dụng là trạm Khí tượng Đông Hà. Ngoài ra có thể sử dụng số liệu đo đếm khí tượng tại các trạm khác theo nguyên tắc Trạm có điều kiện khí hậu tương đồng nhất)

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<12	<11	<9
	N=1		<13	<12	<10
	N=2		<14	<13	<11
	N=3		<15	<14	<12
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

Bảng 2. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 1 – Tháng 4

TT.	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<12	<11	<9
	N=1		<13	<12	<10
	N=2		<14	<13	<11
	N=3		<15	<14	<12
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		10	9	7
	N=1		11	10	8
	N=2		12	11	9
	N=3		13	12	10
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

Bảng 3. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIÊU VÙNG 1 – Tháng 5

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<7	<6	<5
	N=1		<8	<7	<6
	N=2		<9	<8	<7
	N=3		<10	<9	<8
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 4. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 1 – Tháng 6**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<6	<5	<4
	N=1		<7	<6	<5
	N=2		<8	<7	<6
	N=3		<9	<8	<7
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		5	4	3
	N=1		6	5	4
	N=2		7	6	5
	N=3		8	7	6
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		5	4	3
	N=1		6	5	4
	N=2		7	6	5
	N=3		8	7	6
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		5	4	3
	N=1		6	5	4
	N=2		7	6	5
	N=3		8	7	6
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa ≥7mm				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

Bảng 5. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIÊU VÙNG 1 – Tháng 7

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày $<25^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ cao nhất ngày: $26-35^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ cao nhất ngày $>35^{\circ}\text{C}$
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<8	<7	<6
	N=1		<9	<8	<7
	N=2		<10	<9	<8
	N=3		<11	<10	<9
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa $< 7\text{mm}$ trong giai đoạn dự báo

Bảng 6. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 1 – Tháng 8

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày $<25^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ cao nhất ngày: $26-35^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ cao nhất ngày $>35^{\circ}\text{C}$
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<8	<7	<6
	N=1		<9	<8	<7
	N=2		<10	<9	<8
	N=3		<11	<10	<9
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N=3		10	9	8
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa $< 7\text{mm}$ trong giai đoạn dự báo

Bảng 7. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 1 – Tháng 9

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<11	<10	<9
	N=1		<12	<11	<10
	N=2		<13	<12	<11
	N=3		<14	<13	<12
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

Bảng 8. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 2

(huyện Hướng Hóa. Số liệu sử dụng là Trạm khí tượng Khe Sanh. Ngoài ra có thể sử dụng số liệu đo đếm khí tượng tại các trạm khác theo nguyên tắc Trạm có điều kiện khí hậu tương đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<10	<9	<8
	N=1		<11	<10	<9
	N=2		<12	<11	<10
	N=3		<13	<12	<11
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa ≥7mm				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 9. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 3**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<10	<9	<8
	N=1		<11	<10	<9
	N=2		<12	<11	<10
	N=3		<13	<12	<11
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		9	8	7
	N=1		10	9	8
	N=2		11	10	9
	N=3		12	11	10
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa ≥7mm				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

Bảng 10. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 4

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<6	<5	<4
	N=1		<7	<6	<5
	N=2		<8	<7	<6
	N>2		<9	<8	<7
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 11. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 5**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<6	<5	<4
	N=1		<7	<6	<5
	N=2		<8	<7	<6
	N>2		<9	<8	<7
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N>2		10	9	8
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N>2		10	9	8
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		7	6	5
	N=1		8	7	6
	N=2		9	8	7
	N>2		10	9	8
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 12. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 6**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<8	<7	<6
	N=1		<9	<8	<7
	N=2		<10	<9	<8
	N=3		<11	<10	<9
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
5	Cấp V	Ngày			
	Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$				

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 13. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIỂU VÙNG 2 – Tháng 7**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<7	<6	<5
	N=1		<8	<7	<6
	N=2		<9	<8	<7
	N>2		<10	<9	<8
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N>2		9	8	7
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo

**Bảng 14. BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO CHỈ SỐ H
TIÊU VÙNG 2 – Tháng 8**

TT	Nội dung	Đơn vị	Số ngày giữ cấp dự báo cháy rừng		
			Nhiệt độ cao nhất ngày <25 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày: 26-35 ⁰ C	Nhiệt độ cao nhất ngày >35 ⁰ C
1	Cấp I	Ngày			
	N=0		<10	<9	<8
	N=1		<11	<10	<9
	N=2		<12	<11	<10
	N=3		<13	<12	<11
2	Cấp II	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
3	Cấp III	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
4	Cấp IV	Ngày			
	N=0		6	5	4
	N=1		7	6	5
	N=2		8	7	6
	N=3		9	8	7
5	Cấp V	Ngày			
Khi cấp cháy rừng đạt cấp V, thì số ngày giữ cấp V sẽ kết thúc khi có mưa $\geq 7\text{mm}$					

Ghi chú: N là số ngày có lượng mưa <7mm trong giai đoạn dự báo.